

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2017/HS-ST

Ngày: 27/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quang Vinh.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Trịnh Thị Oanh.

2/. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Hiệt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST, ngày 27 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017 ngày 09/11/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017 ngày 23/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017 ngày 21/12/2017, đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: Hứa Đình T; sinh năm: 1988.

Nguyên quán: Tỉnh Bắc Cạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Tày. Trình độ học vấn: 9/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Hứa Đình N, sinh năm 1962 và con bà Nông Thị H, sinh năm 1965, hiện đang sinh sống tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 02 anh, em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Hà Thị N, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Hiện đang sinh sống tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học, ở nhà làm nông phụ giúp gia đình. Sau đó lập gia đình và sinh sống tại Thôn T, xã V, huyện P. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/. Họ tên: Trịnh Xuân T, sinh năm: 1968. Tên gọi khác: L.

Nguyên quán: Tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 4/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trịnh Văn Đ (chết); con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1932, hiện đang sinh sống tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Hà Thị C, sinh năm 1985 và có 01 con sinh năm 2007, hiện đang sinh sống tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại tỉnh Bắc Giang, học hết lớp 4/12 thì nghỉ học. Năm 1995 cùng gia đình chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, sau đó lập gia đình và sinh sống tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 02/8/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/. Họ tên: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973.

Nguyên quán: tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 4/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1938; con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1943, hiện đang sinh sống tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006, hiện đang sinh sống tại Thôn A, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại Bắc Giang, học hết lớp 4/12 thì nghỉ học. Năm 1993 chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Năm 1994 lập gia đình và sinh sống tại Thôn A, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4/. Họ tên: Nông Trọng T, sinh năm: 1977.

Nguyên quán: Huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Tày. Trình độ học vấn: 2/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Nông Trọng Đ, sinh năm 1949; con bà Đàm Thị E, sinh năm 1957, hiện đang sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 anh, em ruột, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Trần Thị M, sinh năm 1980 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2006, hiện đang sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại Cao Bằng, học hết lớp 2/12 thì nghỉ học. Năm 1987 cùng gia đình chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Năm 1995 lập gia đình và sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/. Họ tên: Nông Văn B, sinh năm: 1982.

Nguyên quán: Tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Tày. Trình độ học vấn: 9/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Nông Văn T, sinh năm 1941; con bà Lã Thị T, sinh năm 1952, hiện đang sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 03 chị, em ruột, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Lâm Thị Đ, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009, hiện đang sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại tỉnh Cao Bằng, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 1991 cùng gia đình chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Năm 2006 lập gia đình và sinh sống tại Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6/. Họ tên: Hà Thị Thúy V. Sinh năm: 1978.

Nguyên quán: Tỉnh Quảng Trị.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 5/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Hà K (chết); con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939, hiện đang sinh sống tại xóm 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Gia đình bị cáo có 08 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Bị cáo có chồng là Nguyễn Phú T, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012, hiện đang sinh sống tại Thôn 2, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại xóm 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận học hết lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2000 lập gia đình và chuyển vào sinh sống tại Thôn 2, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

7/. Họ tên: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975. Tên gọi khác: H1.

Nguyên quán: Tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 5/12. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Nguyễn Văn P (chết); con bà Giáp Thị M (chết). Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em ruột, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Giáp Thị R, sinh năm 1979 và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007, hiện đang sinh sống tại Thôn A, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha, mẹ tại tỉnh Bắc Giang, học hết lớp 5/12 thì nghỉ học. Năm 1991 cùng gia đình chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Năm 1998 lập gia đình và sinh sống tại Thôn A, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B:** Ông Hoàng Văn C.
Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo Hứa Đình T:** Bà Nguyễn Thị X. Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị cáo Hà Thị Thúy V thuộc diện hộ nghèo nhưng không yêu cầu Tòa án mời Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Anh Vũ Gia Q, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Anh Nông Văn B1, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 23, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Anh Nguyễn Hải T, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1995. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

6/ Anh Phùng Văn H, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

7/ Anh Nguyễn Thành X, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1/ Anh Đặng Văn K, sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Anh Vi Văn C, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Chị Bùi Thị T, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/7/2017, Trịnh Xuân T (L) trú tại Thôn T, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk đang ở nhà thì có khoảng 6 – 7 người tập trung trước cổng nhà T (Nhà T cạnh đường và gần cổng chào Thôn T, xã V). Sau đó họ rủ nhau lên khu vực vườn điều thuộc Thôn T, xã V đánh bạc. Trước khi đi thì có người hỏi mượn T 01 tấm bạt, 01 cái chén và 01 cái đĩa để đánh xóc đĩa (T không xác định được ai là người hỏi mượn). T chỉ chỗ để những vật dụng này và đi ra sau nhà, khi lên nhà thì mọi người đã đi (Ai là người cầm bạt, chén và đĩa đi T cũng không biết) đến địa điểm đánh bạc và gọt con vị. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Hứa Đình T cầm cái xóc đĩa cho nhiều con bạc tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, mỗi con bạc tham gia đặt (Đánh bạc), mỗi ván thấp nhất là 10.000 đồng và ván đặt cao nhất là 300.000 đồng. Người cầm cái xóc đĩa (Bên trong có 04 con vị) rồi các con bạc đặt tiền xuống chiếu bạc ở cửa chắn hoặc cửa lẻ để đánh bạc với người cầm cái. Các con bạc quy ước với nhau: Chẵn là bên phải người cầm cái và lẻ là bên trái người cầm cái. Sau đó, người cầm cái mở chén và căn cứ vào kết quả con vị để tính thắng thua với các con bạc. Được coi là chẵn nếu 4 con vị đều sấp hoặc 4 con vị đều ngửa hoặc 2 con vị sấp và 2 con vị ngửa. Được coi là lẻ nếu 3 con vị sấp và 1 con vị ngửa hoặc 3 con vị ngửa và 1 con vị sấp. Nếu kết quả là chẵn thì con bạc đặt tiền ở cửa chắn thắng và con bạc đặt tiền ở cửa lẻ thua. Nếu kết quả là lẻ thì con bạc đặt tiền ở cửa lẻ thắng và con bạc đặt tiền ở cửa chắn thua. Căn cứ kết quả xóc đĩa và số tiền đặt trên chiếu bạc mà người cầm cái sẽ tính số tiền thắng - thua với các con bạc. Một lúc sau, Trịnh Xuân T đến địa điểm đánh bạc và đứng ra thu của mỗi người đến tham gia đánh bạc 100.000 đồng (Tiền râu), số tiền này T nói là tiền cho mượn các dụng cụ đánh bạc. Tổng số tiền T đã thu được của một số đối tượng đánh bạc là 600.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, khi Hứa Đình T, Nông Văn B, Nông Trọng T, Hà Thị Thúy V, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N và một số con bạc khác (Chưa xác định được cụ thể) đang đánh bạc thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Krông Pắc, phát hiện bắt quả tang. Trịnh Xuân T và một số con bạc bỏ chạy. Ngày 02/8/2017, Trịnh Xuân T đã đến Công an huyện Krông Pắc đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định, khi đi đánh bạc Hứa Đình T mang theo 400.000 đồng, đóng 100.000 đồng cho Trịnh Xuân T, đến thời điểm bị bắt T đã thua hết số tiền trên. Nguyễn Văn N mang theo 7.200.000 đồng để đánh bạc, đóng 100.000 đồng cho Trịnh Xuân T, tính đến thời điểm bị bắt N thua 100.000 đồng. Nông Văn B mang theo 1.100.000 đồng để đánh bạc, đóng 100.000 đồng cho Trịnh Xuân T, tính đến thời điểm bị bắt B thắng 100.000 đồng. Nông Trọng T mang theo 1.080.000 đồng để đánh bạc, đóng 100.000 đồng cho Trịnh Xuân T, tính đến thời điểm bị bắt T thắng 100.000 đồng. Hà Thị Thúy V mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, đóng 100.000 đồng cho Trịnh Xuân T, khi bị bắt V thua hết số tiền mang theo. Nguyễn Văn H mang theo 150.000 đồng để đánh bạc, đến thời điểm bị bắt, H đã thua hết số tiền mang theo.

Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc 8.100.000 đồng, 01 tấm bạt màu xanh, 01 cái chén, 01 cái đĩa, 04 con vị làm bằng tre.

Thu giữ trên người các đối tượng Nguyễn Văn N số tiền 7.000.000 đồng, Nông Trọng T số tiền 1.080.000 đồng, Nông Văn B số tiền 1.100.000 đồng, là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đối với Phùng Văn H mang theo 2.100.000 đồng, Nguyễn Thanh X mang theo 80.000 đồng đến địa điểm đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc tiến hành tạm giữ các xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển số 47P3 – 0571 của Nguyễn Văn N, 01 xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 của Nông Văn B, 01 xe mô tô biển số 47P7 – 6158 của Hà Thị Thúy V, 01 xe mô tô biển số 47K7 – 6798 của Phùng Văn H.

Cáo trạng số 70/KSĐT-HS ngày 25/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố các bị cáo Hứa Đình T, Nông Trọng T, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nông Văn B, Nguyễn Văn H, Trịnh Xuân T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Hứa Đình T, Nông Trọng T, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nông Văn B, Nguyễn Văn H, Trịnh Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì khác.

Phản tranh luận: Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số 70/KSĐT-HS ngày 25/10/2017. Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Hứa Đình T, Nông Trọng T, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nông Văn B, Nguyễn Văn H, Trịnh Xuân T phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T và bị cáo Hứa Đình T mỗi bị cáo từ: 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N, từ: 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn B, từ: 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS:

+ Xử phạt bị cáo Hà Thị Thúy V từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

+ Bị cáo Nông Trọng T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Đối với Nông Văn B1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 cho Nông Văn B mượn sử dụng, Nguyễn Văn M là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47P3 - 0571 cho Nguyễn Văn N mượn sử dụng, Nguyễn Hải T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47P7 – 6158 cho Hà Thị Thúy V mượn sử dụng, những người này không biết các đối tượng sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội, nên không xử lý là phù hợp.

Trong quá trình đánh bạc có một số đối tượng có mặt nhưng đã bỏ về trước, có một số đối tượng khi Công an huyện Krông Pắc bắt quả tang đã bỏ trốn, hiện nay cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đang tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả cho Phùng Văn H 2.100.000 đồng, cho Nguyễn Thanh X số tiền 80.000 đồng.

+ Trả xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 cho Nông Văn B1; Trả xe mô tô biển số 47P3 - 0571 cho Nguyễn Văn M; Trả xe mô tô biển số 47P7 – 6158 cho Nguyễn Hải T, Trả xe mô tô biển số 47K7 – 6798 cho Phùng Văn H là các chủ sở hữu.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 8.100.000 đồng thu trên chiếu bạc và 9.180.000 đồng thu trên người các bị cáo là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng Trịnh Xuân T có được do thu lợi bất chính.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 tấm bạc màu xanh, 01 cái chén, 01 cái đĩa, 04 con vị làm bằng tre.

- Bào chữa cho các bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B, ông Hoàng Văn C trình bày: Nhất trí với cáo trạng số 70/KSĐT-HS ngày 25/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố các bị cáo trong đó có hai bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên đề

ng nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo như: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 của BLHS cho các bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B được hưởng án treo.

- Bào chữa cho bị cáo Hứa Đình T bà Nguyễn Thị X trình bày: Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo Hứa Đình T, Viện kiểm sát nhận dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Hứa Đình T về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội danh. Tuy nhiên xét về phần nhân thân, bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Khoản 1, khoản 2 Điều 60 của BLHS cho bị cáo Hứa Đình T được hưởng án treo.

Các bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B, Hứa Đình T không trình bày ý kiến bổ sung đối với lời bào chữa của các trợ giúp viên pháp lý, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nguyễn Văn H và Trịnh Xuân T không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo, ý kiến trình bày của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng (Khai tại cơ quan điều tra) phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý xác định hành vi của các bị cáo Hứa Đình T, Nông Trọng T, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nông Văn B, Nguyễn Văn H và Trịnh Xuân T cấu thành tội: Đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự quy định:

1/. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét về ý thức: Các bị cáo là những người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo nhận thức được mọi hành vi đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, bản chất chây lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng của mình nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổng số tiền các bị cáo mang theo dùng vào việc đánh bạc là 9.180.000đ và thu trên chiếu bạc là 8.100.000đ.

Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

Xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia đánh bạc, tuy nhiên tính chất, hành vi, vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau nên HĐXX cần phân hóa vai trò của mỗi bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, cụ thể:

- Đối với bị cáo Trịnh Xuân T, Hứa Đình T: Bị cáo Trịnh Xuân T với vai trò là người cung cấp công cụ đánh bạc gồm bát, chén, đĩa và trực tiếp thu tiền xâu của những người tham gia đánh bạc, thu lợi bất chính 600.000 đồng. Bị cáo Hứa Đình T khi đi đánh bạc mang theo số tiền 400.000đ, bị cáo tham gia tích cực với vai trò là người cầm cái cho các con bạc sát phạt lẫn nhau. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm hơn nên hình phạt dành cho các bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Nông Văn B, Nông Trọng T, Hà Thị Thúy V, Nguyễn Văn H: Là những người trực tiếp tham gia tích cực trong việc đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn N mang theo số tiền 7.200.000đ để đánh bạc, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc nhiều hơn so với các bị cáo khác nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn. Đối với bị cáo Nông Văn B mang theo số tiền 1.100.000đ và bị cáo Nông Trọng T mang theo số tiền 1.080.000đ dùng vào việc đánh bạc nên áp dụng mức hình phạt của hai cáo này thấp hơn so với bị cáo Nhân. Đối với bị cáo Hà Thị Thúy V mang theo 200.000đ, bị cáo Nguyễn Văn H mang theo 150.000đ để đánh bạc nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo nhẹ hơn so với bị cáo Nông Văn B, Nông Trọng T.

Tuy nhiên xét về nhân thân: Các bị cáo Hứa Đình T, Trịnh Xuân T, Nông Trọng T, Nông Văn B, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nguyễn Văn H đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động và có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo Trịnh Xuân T từng có thời gian tham gia phục vụ trong quân ngũ, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an để đầu

thú; Bị cáo Hà Thị Thúy V có hoàn cảnh khó khăn; Bị cáo Nông Văn B, Nông Trọng T, Hứa Đình T là người dân tộc thiểu số và có hoàn cảnh khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Nông Văn B1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 cho Nông Văn B mượn sử dụng, Nguyễn Văn M là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47P3 - 0571 cho Nguyễn Văn N mượn sử dụng, Nguyễn Hải T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47P7 – 6158 cho Hà Thị Thúy V mượn sử dụng, những người này không biết các đối tượng sử dụng 2 xe mô tô trên vào việc phạm tội, nên không xử lý là phù hợp.

Trong quá trình đánh bạc có một số đối tượng có mặt nhưng đã về trước, một số đối tượng tham gia đánh bạc nhưng khi Công an huyện Krông Pắc bắt quả tang đã bỏ trốn, hiện nay cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đang tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[2] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với số tiền 2.100.000đ của ông Phùng Văn H và số tiền 80.000đ của ông Nguyễn Thanh X trong quá trình điều tra xác định ông H, ông X không tham gia trực tiếp đánh bạc nên cơ quan điều tra công an huyện Krông Pắc đã trả lại số tiền 2.100.000đ cho ông H và 80.000đ cho ông X là có căn cứ.

+ Đối với các xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 của Nông Văn B1, xe mô tô biển số 47P3 - 0571 của Nguyễn Văn M, xe mô tô biển số 47P7 – 6158 của Nguyễn Hải T: Xe mô tô biển số 47P7 – 6158 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Hoàng Văn M, năm 2012 anh M đã bán lại cho Nguyễn Hải T; Xe mô tô biển số 47P3 – 0571 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Vũ Gia Q, năm 2010 anh Quảng đã bán cho

Nguyễn Văn M. Trong quá trình tham gia thực hiện việc đánh bạc, Nông Văn B mượn xe mô tô của Nông Văn B1, Nguyễn Văn N mượn xe mô tô của Nguyễn Văn M, Hà Thị Thúy V mượn xe mô tô của Nguyễn Hải T để đi đến đại điểm đánh bạc nhưng anh B1, anh M, anh T không biết hành vi phạm pháp luật của các bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho các chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Đối xe mô tô biển số 47K7 – 6798 của Phùng Văn H: Khi cơ quan điều tra công an huyện Krông Pắc bắt người phạm tội quả tang và có thu giữ xe mô tô biển số 47K7 – 6798 của Phùng Văn H, tuy nhiên trong quá trình điều tra đã chứng minh được anh H không tham gia đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả xe mô tô biển số 47K7 – 6798 cho anh Phùng Văn H là có căn cứ.

+ Đối với số tiền 8.100.000 đồng thu trên chiếu bạc và 9.180.000 đồng thu trên người các bị cáo là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu xung công quỹ nhà nước.

+ Đối với số tiền 600.000 đồng Trịnh Xuân T thu tiền xâu của các bị cáo, là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu xung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 tấm bạc màu xanh, 01 cái chén, 01 cái đĩa, 04 con vị làm bằng tre là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Trịnh Xuân T, bị cáo Trịnh Xuân T dùng cho các bị cáo mượn dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Trịnh Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Hứa Đình T, Nông Văn B, Nông Trọng T, Hà Thị Thúy V thuộc diện hộ nghèo nên HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hứa Đình T, Trịnh Xuân T, Nguyễn Văn N, Nông Trọng T, Nông Văn B, Hà Thị Thúy V, Nguyễn Văn H phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt:

- Bị cáo Hứa Đình T 09 (Chín) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

- Bị cáo Trịnh Xuân T 09 (Chín) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 02/8/2017 đến ngày 01/9/2017.

Giao các bị cáo Hứa Đình T, Trịnh Xuân T cho UBND xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Văn N 08 (Tám) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nông Trọng T 07 (Bảy) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

- Bị cáo Nông Văn B 07 (Bảy) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

Giao các bị cáo Nông Trọng T, Nông Văn B cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Hà Thị Thúy V 06 (Sáu) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

Giao bị cáo Hà Thị Thúy V cho UBND xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (Sáu) tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Krông Pắc đã trả cho Phùng Văn H 2.100.000 đồng, cho Nguyễn Thanh X số tiền 80.000 đồng.

+ Trả xe mô tô biển số 47K1 – 071.75 cho Nông Văn B1, trả xe mô tô biển số 47P3 - 0571 cho Nguyễn Văn M, trả xe mô tô biển số 47P7 – 6158 cho Nguyễn Hải T, trả xe mô tô biển số 47K7 – 6798 cho Phùng Văn H là các chủ sở hữu.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 8.100.000 đồng thu trên chiếu bạc và 9.180.000 đồng thu trên người các bị cáo là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng Trịnh Xuân T có được do thu lợi bất chính.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) tấm bạt màu xanh, 01 (một) cái chén, 01 (một) cái đĩa, 04 (bốn) con vịt làm bằng tre (có đặc điểm như biên bản thu giữ).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Trịnh Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Hứa Đình T, Nông Văn B, Nông Trọng T, Hà Thị Thúy V được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hứa Đình T, Nông Trọng T, Nguyễn Văn N, Hà Thị Thúy V, Nông Văn B, Nguyễn Văn H và Trịnh Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về phần xử lý vật chứng trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Đắk Lắk;

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;

- VKSND huyện Krông Pắc;

- Chi cục THSDS huyện P;

- Công an huyện Krông Pắc;

- UBND xã V

- UBND xã E

- UBND xã C

- UBND xã H

- Bị cáo;

- Lưu hồ sơ.

-

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Quang Vinh